TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH THUẬN** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 31-3-2025
V/v Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hoàng Mơn;

2. Bà Lê Kim Thoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Chúc Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên toà*:** Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/2024/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2024 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2025/HNGĐST- QĐ ngày 13 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Trần Văn L**, sinh năm 1965 (có mặt)

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1963 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 10/6/2024 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông **Trần Văn L** trình bày:*

Ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị N trên cơ sở tự nguyện yêu thương nhau, có tổ chức lễ cưới và chung sống như vợ chồng từ năm 1983, nhưng từ đó đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, lý do mẫu thuẫn là do trong đời sống chung xuất hiện nhiều quan điểm không hợp nhau, dẫn đến bất đồng ý kiến, vợ chồng thường xuyên cự cãi và không còn sống chung khoảng hơn 01 năm nay. Hiện tại mâu thuẫn kéo dài không thể hàn gắn, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, vợ chồng cũng không còn quan tâm, dành tình cảm cho nhau nên ông L yêu cầu ly hôn với bà N.

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung tên Trần Trung G, sinh ngày 27/12/1985, giới tính nam; Trần Trọng N1, sinh ngày 12/12/1987, giới tính nam; Trần Đức C, sinh ngày 06/11/1989, giới tính nam và Trần Trung T, sinh ngày 24/12/1990, giới tính nam. Hiện các con đã trưởng thành nên ông L không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông L xác định ông và bà N không có tài sản chung và không nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay ông L yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Ông L yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị N.

- Về con: Vợ chồng có 04 con chung tên Trần Trung G, sinh ngày 27/12/1985, giới tính nam; Trần Trọng N1, sinh ngày 12/12/1987, giới tính nam; Trần Đức C, sinh ngày 06/11/1989, giới tính nam và Trần Trung T, sinh ngày 24/12/1990, giới tính nam. Hiện các con đã trưởng thành nên ông L không có yêu cầu gì.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bà Nguyễn Thị N vắng mặt nên không có lời trình bày.*

**** Tại phiên tòa*:**

- Nguyên đơn ông Trần Văn L vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày và yêu cầu như trên.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị N vắng mặt lần thứ hai không lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

- Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xem xét những vấn đề cụ thể như sau, về quan hệ hôn nhân: Cho ông Trần Văn L ly hôn với bà Nguyễn Thị N; về quan hệ nuôi con chung: hiện các con đã trưởng thành, đủ 18 tuổi tự lao động sinh sống được và nguyên đơn không yêu cầu gì nên không xem xét; về quan hệ tài sản chung và về quan hệ nợ chung: không có, không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý cho bị đơn bà Nguyễn Thị N biết và quy đinh thời gian để bị đơn có ý kiến về việc khởi kiện *"ly hôn"* của nguyên đơn ông Trần Văn L. Nhưng bị đơn bà N không có ý kiến gì và cũng không cung cấp chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Do đó, Tòa án vẫn tiến hành việc giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Ngày 14/02/2025 Tòa án nhận được đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải của nguyên đơn ông L. Như vậy, được xác định đây là vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: ".....*Một trong các đương sự đề nghị không tiến hành hòa giải*".

Nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung, tại phiên tòa, vắng mặt bị đơn bà N, mặc dù đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng bị đơn bà N vắng mặt lần thứ hai không lý do. Đồng thời tại phiên tòa, nguyên đơn ông L không yêu cầu hoãn phiên tòa. Vì vậy, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị N theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị N sống chung với nhau từ năm 1983 cho đến nay không đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, do ông bà chung sống với nhau trước ngày 03-01-1987 (ngày Luật hôn nhân và đình năm 1986 có hiệu lực) nên theo các quy định của pháp luật hiện hành thì hiện nay mối quan hệ hôn nhân của ông bà không thuộc trường hợp bắt buộc phải đăng ký kết hôn. Do đó hiện nay hôn nhân của ông bà được xác định là hôn nhân hợp pháp. Nay ông L khởi kiện xin ly hôn với bà N thì Toà án xem xét giải quyết vụ án xin ly hôn theo thủ tục chung.

Xét yêu cầu xin ly hôn của ông L thấy rằng: Qua các chứng cứ thu thập được cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa hôm nay xác định được, quá trình chung sống giữa ông L và bà N đã phát sinh nhiều bất đồng, mâu thuẫn trong một thời gian dài và thực tế vợ chồng đã ly thân nhau hơn 01 năm nay.

Qua kết quả xác minh, thu thập chứng cứ thì tình trạng mâu thuẫn vợ chồng của ông L và bà N là có thật, và thực tế vợ chồng đã ly thân nhau hơn 01 năm nay.

Từ những phân tích, đánh giá trên cho thấy mối quan hệ hôn nhân giữa hai bên không khả năng đoàn tụ, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông L đối với bà N theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về quan hệ nuôi con chung: Ông L xác định, hiện các con đã thành niên, tự lao động, sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

- Về quan hệ tài sản chung và về quan hệ nợ chung: Nguyên đơn ông Trần Văn L xác định, vợ chồng không tài sản chung, không nợ chung tài sản gì đối với ai khác không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Xét thấy đề nghị của đại diện viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Nguyên đơn ông Trần Văn L có đơn yêu cầu xin ly hôn nên ông L phải chịu **300.000 đồng** án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn.

Do ông Trần Văn L là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ tiền án phí. Hoàn trả cho Nguyên đơn ông Trần Văn L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002301 ngày 02 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 92, khoản 4 Điều 147, khoản 4 Điều 207, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1 - Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Trần Văn L ly hôn bà Nguyễn Thị N.

2 - Về quan hệ nuôi con chung: Các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

3 - Về quan hệ tài sản chung và về quan hệ nợ chung: Các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

4 - Về án phí: Ông Trần Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là 300.000 đồng.

Do ông Trần Văn L là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ tiền án phí. Hoàn trả cho Nguyên đơn ông Trần Văn L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002301 ngày 02 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 31/3/2025); đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã Vĩnh Bình Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kiều D